

HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM
VIET NAM SEED TRADE ASSOCIATION - VSTA



Bản tin

GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

DIỄN ĐÀN CỦA HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM



Website của Hiệp hội: <http://www.vietnamseed.com.vn>
Email của Hiệp hội: vietnamseed@yhaoo.com.vn

HÀ NỘI - 9/2010

SỐ 2 - 2010

MỤC LỤC

1.	Nghị quyết số 01-NQ Đại hội Tổng kết nhiệm kỳ I VSTA, Nghị quyết số 02-NQ BCH hội nghị Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra VSTA	3
2.	Danh sách Ban Chấp hành VSTA nhiệm kỳ II	6
3.	Danh sách Ban Kiểm tra VSTA nhiệm kỳ II	7
4.	Tóm lược phát biểu của Thứ trưởng Bùi Bá Bổng tại Đại hội Tổng kết nhiệm kỳ I - VSTA (2007 -2010) ngày 10/06/2010 tại Hà Nội	8
5.	Nghị quyết số 63/NQ-CP về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia ngày 23/12/2009	10
6.	Quyết định số 2194/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020 của Chính phủ ngày 25/12/2009	16
7.	Nghị định số 61/2010/NĐ-CP về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn ngày 04/06/2010	21
8.	Bản chất khoa học của thành công và thất bại là giống nhau	26
9.	Mẫu tham khảo lập dự án về giống cây trồng thuộc chương trình giống quốc gia đến 2020	28
10.	Bảng danh mục trang thiết bị đầu tư xây dựng phòng kiểm nghiệm hạt giống.	29
11.	Danh sách các đơn vị phân phối giống lúa lai N89 để khảo nghiệm vụ mùa 2010	38
12.	Giới thiệu giống cho vụ Đông 2010 của Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	38
13.	Giới thiệu Công ty Cổ phần giống cây trồng Thái Bình	

NGHỊ QUYẾT
Đại hội Tổng kết nhiệm kỳ I
Hiệp hội Thương mại Giống cây trồng Việt Nam

Đại hội Tổng kết nhiệm kỳ I của Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam đã tiến hành trong ngày 10 tháng 6 năm 2010 tại Hà Nội.

Sau khi nghe:

- Báo cáo Tổng kết hoạt động và tài chính nhiệm kỳ I (2007 - 2010) và Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ II của VSTA;
- Báo cáo của Ban Kiểm tra của VSTA;
- Dự thảo Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VSTA;
- Dự thảo Phương hướng tổ chức và nhân sự Ban chấp hành và Ban Kiểm tra nhiệm kỳ II của VSTA;

Đại hội đã thảo luận và nhất trí:

QUYẾT NGHỊ:

I- Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động và tài chính nhiệm kỳ I (2007 - 2010) và Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ II của VSTA;

Giao cho Ban Chấp hành tiếp thu và bổ sung các ý kiến đóng góp của Đại hội vào Bản báo cáo và triển khai thực hiện Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ II của VSTA.

II- Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm tra của Hiệp hội.

III- Nhất trí sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VSTA bao gồm các điểm sau:

- Nâng nhiệm kỳ Đại hội toàn thể Hội viên từ 3 năm hiện nay lên 5 năm.
- Bầu Ban Thường vụ Trung ương Hiệp hội.

IV- Thông qua Ban chấp hành Trung ương Hiệp hội gồm 15 uỷ viên gồm:

- 1- Ô. Trần Mạnh Báo:** Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP giống cây trồng Thái Bình,
- 2- Ô. Dương Văn Chín:** PGS.TS - Phó Viện trưởng Viện lúa đồng bằng sông Cửu long.
- 3- Ô. Đặng Văn Chung:** GD Công ty CP giống cây trồng vật nuôi Thừa Thiên Huế.
- 4- Ô. Ngô Bái Diên:** Giám đốc Công ty TNHH TM Trang Nông.
- 5- Ô. Nguyễn Ngọc Dũng:** Giám đốc Công ty CP Giống cây trồng Nghệ An.
- 6- Ô. Ngô Văn Giáo:** Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam.
- 7- Ô. Nguyễn Huy Hoàng:** GD điều hành Công ty Bioseed Việt Nam.
- 8- Ô. Nguyễn Trí Hoàn:** PGS.TS - Viện trưởng Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm.

- 9- **Ô. Nguyễn Văn Hồng**: GD Trung tâm Giống nông nghiệp Đồng Tháp.
10. **Ô. Nguyễn Thanh Lâm**: Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Quốc gia.
11. **Bà Trần Kim Liên**: Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty CP giống cây trồng Trung ương.
12. **Ô. Lê Hưng Quốc**: Nguyên Cục trưởng Cục Trồng trọt.
13. **Bà Nguyễn Thị Tâm**: GD Trung tâm Giống cây trồng Phú Thọ.
14. **Ô. Phan Huy Thông**: Phó Cục trưởng Cục Trồng trọt.
15. **Ô. Nguyễn Ngọc Tiến**: GD Công ty CP giống cây trồng Quảng Ninh.

Giao cho Ban Chấp hành TW bầu Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch, Ban Thường vụ và Tổng thư ký, Phó Tổng Thư ký Hiệp hội.

V- Thông qua Ban Kiểm tra của Hiệp hội gồm 5 thành viên gồm:

- 1- **Ô. Trịnh Tiến Bộ**: GD Trung tâm giống cây trồng vật nuôi Đắk Lắk.
- 2- **Ô. Nguyễn Hữu Lâm**: Chủ tịch HĐQT Công ty CP VT kỹ thuật nông nghiệp Sơn La.
- 3- **Bà Trần Kim Liên**: Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty CP giống cây trồng Trung ương.
- Ô. Trần Vinh Quang**: GD Công ty CP giống NLN Quảng Nam.
- Ô. Bạch Công Sơn**: GD Công ty CP giống cây trồng Đồng Nai.

Giao cho Ban Kiểm tra bầu Trưởng Ban kiểm tra của Hiệp hội.

VI. Thông qua nhân sự Hội đồng bình chọn Danh hiệu Hạt giống vàng Việt Nam gồm các ông bà sau đây:

1. **Ô. Lê Hưng Quốc**, TS - Phó Chủ tịch, TTK Hiệp hội: Chủ tịch Hội đồng.
2. **Ô. Phan Huy Thông**, TS - Ủy viên Ban chấp hành: Ủy viên.
3. **Ô. Dương Văn Chín**, PGS.TS - Ủy viên Ban chấp hành: Ủy viên.
4. **Ô. Hà Quang Dũng**, TS - Giám đốc Trung tâm khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón Quốc gia: Ủy viên.
5. **Ô. Nguyễn Quốc Lý**, Phó Giám đốc Trung tâm khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón Quốc gia: Ủy viên.
6. **Ô. Trần Trương Tấn Tài**, Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP giống cây trồng Miền Nam: Ủy viên.
7. **Bà Nguyễn Thị Tâm**, Giám đốc Trung tâm giống cây trồng tỉnh Phú Thọ: Ủy viên.

Nghị quyết này đã được Đại hội Tổng kết nhiệm kỳ I của Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam nhất trí thông qua.

TM Ban thư ký

Đã ký: **LÊ HỒNG NHU**

TM Đoàn chủ tịch

Đã ký: **NGÔ VĂN GIÁO**

HIỆP HỘI THƯƠNG MẠI
GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /2010 - NQBCH

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2010

NGHỊ QUYẾT CUỘC HỌP
Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra
Hiệp hội Thương mại Giống cây trồng Việt Nam

Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hiệp hội Thương mại giống cây trồng Việt Nam đã tiến hành cuộc họp trong ngày 10 tháng 6 năm 2010 tại Hà Nội để bầu các chức danh của Hiệp hội theo Nghị quyết Đại hội tổng kết nhiệm kỳ I.

Tham dự cuộc họp:

Ban Chấp hành có mặt:

1. Trần Mạnh Báo
2. Ngô Bái Diên
3. Ngô Văn Giáo
4. Nguyễn Huy Hoàng
5. Nguyễn Trí Hoàn
6. Nguyễn Văn Hồng
7. Trần Kim Liên
8. Lê Hưng Quốc
9. Phan Huy Thông

Ban Kiểm tra có mặt:

- 1- Trịnh Tiến Bộ.
- 2- Nguyễn Hữu Lâm.
- 3- Trần Kim Liên.
- 4- Trần Vinh Quang.
- 5- Bạch Công Sơn.

Hội nghị đã biểu quyết những vấn đề sau đây:

I. Bầu Chủ tịch và các Phó Chủ tịch:

1. Ô. Ngô Văn Giáo: Chủ tịch Hiệp hội.
2. Ô. Trần Mạnh Báo: Phó Chủ tịch thường trực.
3. Ô. Lê Hưng Quốc: Phó Chủ tịch.

II. Bầu Ban Thường vụ: gồm 5 ủy viên:

1. Ô. Ngô Văn Giáo.
2. Ô. Trần Mạnh Báo.
3. Ô. Lê Hưng Quốc.
4. Bà Trần Kim Liên.
5. Ô. Đặng Văn Chung.

III. Bầu Trưởng Ban Kiểm tra:

Bà Trần Kim Liên: Trưởng Ban Kiểm tra.

IV. Bầu Tổng Thư ký và Phó Tổng Thư ký:

1. Ô. Lê Hưng Quốc: Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký.
2. Ô. Lê Hồng Nhu: Phó Tổng Thư ký.

Thư ký Hội nghị

Đã ký: LÊ HỒNG NHU

Chủ tọa Hội nghị

Đã ký: NGÔ VĂN GIÁO

Hai bên cùng có lợi nhưng còn phải có lợi cho cả cộng đồng

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH VSTA NHIỆM KỲ II



Chủ tịch - Ngô Văn Giáo



PCT- TTK. Lê Hưng Quốc



**PCT Thường trực
Trần Mạnh Báo**



Ô. Phan Huy Thông



Ô. Dương Văn Chín



Bà. Trần Kim Liên



Ô. Nguyễn Huy Hoàng



Ô. Nguyễn Văn Hồng



Ô: Ngô Bái Diên



Ô. Đặng Văn Chung



Ông Nguyễn Thanh Lâm



Ông Nguyễn Trí Hoàn



Ông Nguyễn Ngọc Tiến



Bà Nguyễn Thị Tâm



Ông Nguyễn Ngọc Dũng

DANH SÁCH BAN KIỂM TRA VSTA NHIỆM KỲ II (2010 - 2015)



Trưởng ban: Trần Kim Liên



Ông Trần Vinh Quang



Ông Bạch Công Sơn



Ông Nguyễn Hữu Lâm



Ông Trịnh Tiến Bộ

TÓM LƯỢC PHÁT BIỂU CỦA THỨ TRƯỞNG BÙI BÁ BÔNG TẠI ĐẠI HỘI TỔNG KẾT NHIỆM KỲ I - VSTA (2007 -2010) NGÀY 10/06/2010 TẠI HÀ NỘI

Bộ NN-PTNT biểu dương sự hoạt động tích cực của Hiệp hội Thương mại giống cây trồng trong thời gian vừa qua, đã góp phần thúc đẩy ngành sản xuất giống của Việt Nam phát triển thêm một bước. Tuy vậy, so với yêu cầu của sản xuất và của nông dân ngành giống cần nỗ lực nhiều hơn, đặc biệt các lĩnh vực cần đẩy mạnh như giống lúa lai, hạt rau lai, giống cây ăn quả mới...

1. Để hiện đại hóa ngành công nghiệp giống và kinh doanh theo hướng hiện đại, Bộ NN-PTNT đề nghị Hiệp hội TM GCT VN:

Doanh nghiệp giống cây trồng cần tích cực tham gia vào Chương trình giống Quốc gia, chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ và chương trình Khuyến nông của Bộ. Cơ chế chương trình giống và chương trình khoa học công nghệ đang được đổi mới để huy động sự tham gia của doanh nghiệp, gắn các Doanh nghiệp vào chương trình giống và khoa học công nghệ. Doanh nghiệp cũng phải bắt đầu chủ động tiếp thu các chính sách của Nhà nước, cần có các bộ phận nghiên cứu ở trong Doanh nghiệp, ví dụ Công ty CP giống cây trồng Miền Nam.

Đề nghị các doanh nghiệp sẽ làm các đề án giống. Bộ giao Vụ Kế hoạch giúp các doanh nghiệp làm các dự án này trình cấp thẩm quyền phê duyệt để tham gia chương trình giống giai đoạn 2011-2015.

2. Về các Kiến nghị của Hiệp hội.

1) Quy định công nhận giống, chứng nhận giống:

Bộ đồng ý đề nghị của Hiệp hội chỉ công nhận giống 1 lần. Vấn đề này Bộ đã giao cho Cục Trồng trọt nghiên cứu đề ra các quy định công nhận giống một lần thay cho công nhận 2 lần vừa tốn kém vừa hình thức. Quy định làm sao đảm bảo chất lượng giống được công nhận nhưng giảm thiểu các thủ tục hành chính cho người đăng ký. Rà soát lại toàn bộ quy định về khảo nghiệm và công nhận giống, sửa đổi theo hướng cải cách.

2) Về đưa ra khỏi Danh mục giống đã công nhận: Việc đưa vào Danh mục thì cần. Nhưng giống có trong Danh mục mà nông dân không sử dụng thì giống đó sẽ tự bị loại bỏ, không ảnh hưởng gì tới sản xuất. Nếu thực hiện động tác đưa ra lại phải thành lập hội đồng, phải họp, xem xét tốn kém... không có tác dụng gì nhiều đối với sản xuất.

3) Về bán bản quyền của các giống được đầu tư ngân sách của Nhà nước: Quan điểm của Bộ là kinh phí cấp cho nghiên cứu là Nhà nước hỗ trợ. Đầu tư của Nhà nước là hoàn toàn hỗ trợ không thu hồi lại. Giống làm ra là của tác giả và của cơ quan quản lý tác giả. Tác giả có quyền bán nhưng bán làm sao cho hài hòa lợi ích giữa tác giả và cơ quan quản lý, Nhà nước không can thiệp. Theo Hiệp hội thì tác giả sử dụng tiền nhà nước nghiên cứu thì

phải có trách nhiệm với xã hội, giống không độc quyền và các Doanh nghiệp mua bản quyền giống đó thì trả tiền bản quyền. Theo Hiệp hội giống đó không bán đứt điểm cho 1 doanh nghiệp để độc quyền mà doanh nghiệp nào muốn mua đều được và trả bản quyền cho tác giả. Hiện nay Bộ đang nghiên cứu ý kiến của Hiệp hội. Trước mắt Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị, các nhà khoa học nghiên cứu giống không thu hồi, các tác giả nghiên cứu ra giống mới có thể bán bản quyền nếu có nhu cầu. Ý kiến của Hiệp hội có lý nhưng có thể xem xét sau một thời gian.

4) Về kiểm định giống: ý kiến của Hiệp hội là phù hợp với tinh thần cải cách. Doanh nghiệp công bố phù hợp tiêu chuẩn, mỗi doanh nghiệp ra 1 sản phẩm phải công bố sản phẩm của mình phù hợp tiêu chuẩn và chịu trách nhiệm về công bố đó còn Nhà nước chỉ đi kiểm tra, giám sát.

Nhà nước không đi kiểm định giống cho doanh nghiệp, nếu doanh nghiệp làm không đúng thì phải chịu phạt theo quy định.

5) Về hỗ trợ doanh nghiệp mua bản quyền:

Nếu có những giống đặc thù doanh nghiệp có thể đề nghị Bộ hỗ trợ việc mua bản quyền từ chương trình giống nhưng cần chứng minh được đó là giống đặc thù, có giá trị đặc biệt.

6) Về xây dựng vùng sản xuất giống hàng hóa: HH có đề nghị là từng bước quy hoạch vùng sản xuất giống tập trung, Bộ đồng tình và đã chỉ đạo ví dụ như lúa lai đã bắt đầu có quy hoạch cho Đắk Lắk, Quảng Nam và sắp tới có thể là quy hoạch vùng sản xuất rau, hoa ở Đà Lạt. Theo ý của Hiệp hội, rất muốn có đất để sản xuất giống nhưng tìm đâu ra đất là một bài toán khó, phải có 1 bộ phận giúp các doanh nghiệp tìm được đất để làm giống. Trước mắt lúa lai có thể giải quyết được, có thể tập trung làm ở Đắk Lắk, một số ở Quảng Nam còn 1 số vùng khác thì xác định tiếp.

7) Bộ tán thành vấn đề lớn hơn là phải xây dựng Chiến lược giống Quốc gia và đề án hiện đại hóa ngành giống. Nhưng trước mắt ngành giống có nhiều việc phải làm, phải giải quyết những việc đang cần thiết. Bộ mong muốn các doanh nghiệp tham gia tích cực vào chương trình giống quốc gia, chương trình nghiên cứu khoa học của Bộ. Bộ cũng đề nghị Hiệp hội tăng cường hoạt động để hỗ trợ các doanh nghiệp giống phát triển lành mạnh lấy chất lượng giống là mục tiêu hàng đầu, đẩy mạnh quá trình hình thành ngành công nghiệp giống Việt Nam.

(Đã được Thứ trưởng Bùi Bá Bổng xem lại)

CHÍNH PHỦ

Số 63/NQ - CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 23 tháng 12 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

Về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia

Vấn đề an ninh lương thực (bao gồm lương thực, thực phẩm) được Đảng và Nhà nước luôn đặc biệt quan tâm, chỉ đạo, nhằm bảo đảm an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài, đã đạt được những thành tựu quan trọng, nổi bật là:

Sản lượng lương thực có hạt tăng bình quân 3,7%/năm trong giai đoạn 2001 - 2008, cao hơn khoảng 3 lần tốc độ gia tăng dân số trong cùng thời kỳ. Sản xuất lúa gạo đã đảm bảo nhu cầu trong nước và xuất khẩu bình quân khoảng 4 - 5 triệu tấn gạo/năm. Sản lượng thực phẩm từ rau màu, quả, sản phẩm chăn nuôi và thủy sản cũng gia tăng đáng kể.

Hệ thống lưu thông lương thực đã có nhiều đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người dân tiếp cận lương thực. Thị trường nội địa chuyển dần sang cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Tình trạng suy dinh dưỡng của người dân được cải thiện. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng đã giảm từ 25% vào năm 2005 đến năm 2008 còn 20%, đạt trước mục tiêu kế hoạch của năm 2010.

Tuy đạt được các thành tựu trên, an ninh lương thực nước ta vẫn còn hạn chế, yếu kém là: sản xuất lương thực, thực phẩm chưa thực sự bền vững; tổ chức sản xuất nông nghiệp chậm được đổi mới, cơ sở hạ tầng, dịch vụ phục vụ sản xuất còn nhiều yếu kém; quản lý sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu còn bất cập; thu nhập của người sản xuất còn thấp.

An ninh lương thực là vấn đề trọng đại của đất nước trước mắt cũng như lâu dài, để khắc phục hạn chế yếu kém trên đây, Chính phủ ban hành Nghị quyết về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia với nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Vấn đề an ninh lương thực quốc gia phải nằm trong chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, gắn với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân là quan trọng, góp phần bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia.

2. Phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, hiệu quả là cơ sở bảo đảm an ninh lương thực quốc gia; gắn sản xuất với các hình thức tổ chức phù hợp để đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu lương thực thực phẩm trong mọi tình huống; nâng cao dinh dưỡng, cải thiện chất lượng bữa ăn của nhân dân.

3. Phát huy lợi thế về cây lúa là chính và phát triển lương thực, thực phẩm thành các vùng sản xuất hàng hóa có hiệu quả và sức cạnh tranh cao; đẩy mạnh cơ giới hóa, chế biến, bảo quản theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo vệ môi trường bền vững.

4. Tổ chức tốt hệ thống mua, bán và dự trữ ở các vùng miền, tạo thuận lợi cho mọi người dân tiếp cận dễ dàng về lương thực, thực phẩm với chất lượng, hiệu quả ngày càng cao. Giải quyết hài hòa giữa tiêu dùng trong nước và xuất khẩu lương thực, thực phẩm.

5. Phát huy nguồn lực của nhân dân và các thành phần kinh tế là chính, nhà nước hỗ trợ tích cực trong việc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; bảo đảm thu nhập cho người sản xuất lương thực và tạo điều kiện cho các địa phương thuận nông phát triển.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 phải đảm bảo đủ nguồn cung cấp lương thực với sản lượng cao hơn tốc độ tăng dân số; chấm dứt tình trạng thiếu đói lương thực, nâng cao chất lượng bữa ăn; bảo đảm cho nông dân sản xuất lúa có lãi bình quân trên 30% so với giá thành sản xuất.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đảm bảo nguồn cung lương thực

Tiếp tục đẩy mạnh thâm canh sản xuất lúa, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, tạo nguồn cung vững chắc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài.

Đến năm 2020, bảo vệ quỹ đất lúa 3,8 triệu ha để có sản lượng 41 - 43 triệu tấn lúa đáp ứng tổng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu khoảng 4 triệu tấn gạo/năm; tăng diện tích trồng ngô lên 1,3 triệu ha, sản lượng 7,5 triệu tấn; diện tích trồng cây ăn quả 1,2 triệu ha, sản lượng 12 triệu tấn; rau các loại 1,2 triệu ha, sản lượng 20 triệu tấn; sản lượng các loại cây màu tăng trên 30%; chăn nuôi đạt sản lượng thịt hơi các loại 8 triệu tấn, sữa tươi 1 triệu tấn, trứng gia cầm 14 tỷ quả; sản lượng khai thác thủy sản 2,4 triệu tấn, sản lượng nuôi trồng thủy sản 4 triệu tấn.

b) Đảm bảo nhu cầu về dinh dưỡng.

Đến năm 2020, cải thiện tình trạng dinh dưỡng hướng tới cân đối dinh dưỡng và nâng cao mức tiêu thụ calo bình quân hàng năm lên 2.600 - 2.700 Kcalo/người và giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới 5%.

Cải thiện cơ cấu và chất lượng tiêu dùng lương thực, đạt mức tiêu thụ bình quân/người vào năm 2020: gạo giảm xuống còn 100kg; thịt các loại 45 kg, cá các loại 30 kg, quả các loại 50 kg, rau các loại 120 kg, tăng mức tiêu dùng trứng, sữa gấp 2 lần so với hiện nay. Toàn bộ nông sản, lương thực tiêu thụ trên thị trường đạt chỉ tiêu an toàn vệ sinh thực phẩm.

c) Đảm bảo khả năng tiếp cận lương thực của người dân.

Chấm dứt tình trạng thiếu đói lương thực vào năm 2012. Sau năm 2012 đảm bảo 100% người dân ở mọi nơi, mọi lúc có đủ lương thực.

Đảm bảo thu nhập cho người sản xuất lương thực đến năm 2020 cao hơn 2,5 lần so với hiện nay.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về quy hoạch

a) Quy hoạch chung

Quy hoạch sản xuất lương thực cả nước trên cơ sở phát huy lợi thế của từng vùng, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước; chú trọng quy hoạch các vùng sản xuất lương thực có sản lượng lớn về lúa gạo, ngô, rau đậu, cây ăn quả, sản phẩm thủy sản và chăn nuôi để đảm bảo thực hiện các mục tiêu về an ninh lương thực quốc gia.

Việc quy hoạch sản xuất lương thực phải đảm bảo cân đối các lĩnh vực để đảm bảo phát triển bền vững và có hiệu quả kinh tế cao; không mâu thuẫn giữa quy hoạch sản xuất nhiên liệu sinh học với quy hoạch sản xuất lương thực.

b) Quy hoạch đất lúa

Quy hoạch đất lúa phải đảm bảo sự thống nhất và phù hợp về quy mô và địa bàn bố trí đất lúa với quy hoạch sử dụng đất trên phạm vi toàn quốc.

Để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 diện tích đất lúa cần phải giữ là: 3,8 triệu ha, trong đó: 3,2 triệu ha đất lúa sản xuất hai vụ trở lên, có thủy lợi hoàn chỉnh.

Diện tích đất lúa cần giữ, bảo vệ nghiêm ngặt phải được xác định cụ thể đến từng địa phương (cấp tỉnh, huyện, xã) và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất lúa đến hộ sử dụng.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc quy hoạch chi tiết quỹ đất trồng lúa theo định hướng nêu trên, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào quý II năm 2010.

Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất với các Bộ: Công thương, Xây dựng, Giao thông vận tải và Bộ ngành có liên quan xác định nhu cầu sử dụng đất của các ngành, trong đó xác định rõ nhu cầu sử dụng đất từ chuyển đổi đất lúa theo nguyên tắc sử dụng tiết kiệm đất lúa.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở quy hoạch đất lúa cả nước được phê duyệt, xác định diện tích đất lúa cần giữ trên địa bàn, nhất là đất lúa hai vụ cần được bảo vệ nghiêm ngặt, lập bản đồ sử dụng đất lúa đến cấp xã và hộ sử dụng. Thời gian hoàn thành trong quý IV năm 2011.

2. Về phát triển cơ sở hạ tầng và khoa học công nghệ

a) Phát triển cơ sở hạ tầng

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tập trung chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ:

- Tiếp tục đầu tư, xây dựng mới và tu bổ hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo tưới tiêu chủ động cho 100% đất lúa hai vụ và tăng diện tích có tưới đối với rau, màu, cây ăn quả. Ưu tiên đầu tư xây dựng công trình thủy lợi phục vụ cho nuôi trồng thủy sản; công trình thủy lợi nhỏ ở miền núi.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp và xây dựng mới hệ thống đê điều hiện có; sớm triển khai các dự án đầu tư hệ thống đê biển, bảo vệ sản xuất, tài sản của Nhà nước và nhân dân; chuẩn bị đối phó với tình trạng nước biển dâng.

- Đối với những vùng sản xuất lương thực tập trung, hoàn thiện hệ thống thủy lợi kết hợp với kiến thiết lại đồng ruộng và xây dựng giao thông nội đồng, tạo điều kiện thuận lợi áp dụng khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa và nâng cao hiệu quả sản xuất hàng hóa.

- Khẩn trương hoàn thành việc đầu tư, xây dựng hệ thống kho dự trữ, bảo quản lương thực ở các vùng sản xuất; đối với lúa gạo đảm bảo năng lực tồn trữ đạt 4 triệu tấn; phát triển các cơ sở chế biến lương thực sử dụng công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng nông sản.

b) Phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ưu tiên phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực sau:

- Tăng cường năng lực cho nghiên cứu khoa học, khuyến nông, thông tin và hợp tác quốc tế liên quan đến an ninh lương thực, ngân sách nhà nước hàng năm đầu tư cho lĩnh vực này tăng 10 - 15%.

- Chọn tạo và sản xuất đủ giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao, đặc biệt các giống cây trồng có khả năng chống chịu với điều kiện không thuận lợi như kháng mặn, hạn, chịu ngập, giống cây trồng biến đổi gen để phục vụ nhu cầu sản xuất.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến. Đối với cây lúa, thúc đẩy nhanh cơ giới hóa khâu thu hoạch để giảm thất thoát, đến năm 2020 thực hiện thu hoạch bằng máy đạt 50%, trong đó khu vực đồng bằng sông Cửu Long đạt 80%, chủ yếu sử dụng máy gặt đập liên hợp có tính năng kỹ thuật cao.

- Xây dựng các vùng sản xuất an toàn dịch bệnh, các vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao, các vùng sản xuất tập trung áp dụng quy trình thực hành sản xuất tốt (GAP), phát triển kinh tế vườn.

- Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến đối với các cơ sở bảo quản, chế biến.

- Tăng cường đầu tư trang bị phương tiện và công nghệ hiện đại, phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá phục vụ đánh bắt có hiệu quả. Quy hoạch, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng vùng nuôi, trước hết là thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản; áp dụng rộng rãi các quy trình công nghệ sinh sản nhân tạo; xây dựng hệ thống thú y thủy sản; kiểm soát chặt chẽ chất lượng giống, thức ăn, môi trường nuôi; hiện đại hóa các cơ sở chế biến, đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Khẩn trương triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng có ảnh hưởng đến an ninh lương thực.

3. Đào tạo nguồn nhân lực

Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và xã hội, Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai có hiệu quả Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn, cần tập trung:

- Đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ khuyến nông và cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh lương thực các cấp; đưa nội dung an ninh lương thực quốc gia vào các trường học.

- Tăng cường đào tạo nông dân về khoa học kỹ thuật và kiến thức quản lý theo phương thức phù hợp để nâng cao hiệu quả sản xuất lương thực và tăng thu nhập, đến năm 2020 đạt 50% người sản xuất lương thực đã qua đào tạo.

4. Chính sách đối với nông dân, địa phương và doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh lúa gạo

a) Khuyến khích nông dân giữ đất lúa.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho người sản xuất lúa gạo, đảm bảo người sản xuất lúa gạo có lãi trên 30% so với giá thành sản xuất.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng nghị định về chính sách quản lý đất lúa, trình Chính phủ trong quý II năm 2010.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ nông dân xây dựng ruộng bậc thang ở miền núi.

b) Khuyến khích địa phương giữ đất lúa.

Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước theo hướng: tăng đầu tư phát triển cho khu vực nông nghiệp, nông thôn; điều tiết phân bổ ngân sách nhà nước đảm bảo lợi ích giữa các địa phương có điều kiện phát triển công nghiệp với các địa phương thuần nông, nhất là chuyên trồng lúa.

c) Khuyến khích doanh nghiệp tiêu thụ lúa.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các chủ đầu tư khẩn trương triển khai dự án đầu tư xây dựng kho chứa lúa gạo, đến năm 2012 phải hoàn thành việc đầu tư xây dựng kho chứa 4 triệu tấn đã được quy hoạch. Cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng kho thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về cơ chế, chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản.

Bộ Tài chính nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ tiêu thụ lúa, gạo do nhà nước giao trong trường hợp giá lúa xuống thấp dưới giá thành, trình Thủ tướng Chính phủ trong quý I năm 2009.

d) Chính sách xã hội liên quan đến an ninh lương thực.

Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai có hiệu quả các biện pháp kiểm soát tốc độ gia tăng dân số theo Chiến lược dân số Việt Nam.

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ gạo cho người dân vùng bị thiếu đói do ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai và đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách trợ cấp gạo cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở miền núi trồng rừng thay thế nương rẫy trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong quý II năm 2010.

5. Hoàn thiện hệ thống lưu thông, xuất khẩu lương thực.

Phát triển hệ thống lưu thông lương thực tạo điều kiện mọi người tiêu dùng có khả năng tiếp cận thuận lợi lương thực trong mọi tình huống.

Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất mức hợp lý lượng lúa gạo dự trữ quốc gia và lượng lúa gạo dự trữ lưu thông để đề phòng thiên tai và bình ổn thị trường; sớm hoàn thành đề án bảo hiểm nông nghiệp, trước mắt bảo hiểm sản xuất lúa gạo, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong quý I năm 2010.

Bộ Công Thương chủ trì xây dựng cơ chế điều hành xuất khẩu lương thực, thực phẩm linh hoạt, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả xuất khẩu và tiêu thụ hết nông sản lương thực, thực phẩm; kết hợp tốt giữa dự trữ lưu thông và dự trữ nhà nước để bảo đảm yêu cầu cứu trợ lương thực, thực phẩm trong trường hợp khẩn cấp.

Các Tổng công ty Nhà nước có vai trò chủ lực trong việc tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, điều hòa, bình ổn thị trường, cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân khi bị thiên tai.

6. Đổi mới tổ chức sản xuất

Tiếp tục hoàn thiện các loại hình tổ chức sản xuất lương thực theo hướng liên kết nông hộ để hình thành các tổ chức hợp tác, hợp tác xã theo địa bàn hoặc sản phẩm; tạo điều kiện gắn sản xuất với doanh nghiệp tiêu thụ; phát triển kinh tế trang trại, doanh nghiệp sản xuất lương thực, nông dân góp cổ phần bằng giá trị quyền sử dụng đất để tham gia doanh nghiệp, phát triển mạng lưới cung ứng dịch vụ nông nghiệp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sớm hoàn thành trình Thủ tướng Chính phủ đề án phát triển mô hình liên kết sản xuất giữa hộ nông dân với các thành phần kinh tế ở nông thôn (trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp, khoa học, thương mại, hiệp hội ngành hàng), trước mắt thí điểm triển khai trong sản xuất lúa gạo.

7. Phát triển hệ thống thông tin an ninh lương thực

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Kiện toàn và tăng cường hệ thống giám sát, theo dõi diễn biến sản xuất, dự báo sản lượng lương thực đối với cả nước và từng địa phương đến cấp huyện, cảnh báo diễn biến bất lợi thời tiết tác động tới an ninh lương thực để có các giải pháp ứng phó kịp thời có hiệu quả;
- Hoàn thiện hệ thống thông tin và dự báo thị trường lương thực trong nước và quốc tế
- Xây dựng cơ sở dữ liệu về an ninh lương thực quốc gia.

8. Hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác quốc tế đặc biệt với các lĩnh vực mang tính khu vực và toàn cầu ảnh hưởng đến an ninh lương thực quốc gia như sử dụng nguồn nước, biến đổi khí hậu, kiểm dịch và vệ sinh động thực vật...; hợp tác về đào tạo nhân lực và phát triển khoa học công nghệ, thúc đẩy thương mại.

- Việt Nam cam kết đóng góp tích cực cho mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực của thế giới.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nội vụ nghiên cứu đề xuất việc thành lập Ủy ban an ninh lương thực quốc gia, trình Chính phủ.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức các hoạt động cụ thể, hướng dẫn lập kế hoạch thực hiện, hướng dẫn kiểm tra, giám sát và định kỳ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện an ninh lương thực quốc gia.

3. Các Bộ, ngành theo chức năng nhiệm vụ triển khai thực hiện các lĩnh vực phụ trách có liên quan đến đảm bảo an ninh lương thực theo nội dung của Nghị quyết này.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành xây dựng và phê duyệt quy hoạch phát triển sản xuất lương thực theo ngành trên địa bàn; quản lý chặt chẽ quỹ đất sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là đất lúa được quy hoạch; thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của Nhà nước về sản xuất, tiêu thụ lương thực, bổ sung cơ chế chính sách của địa phương cho phù hợp với điều kiện thực tế; khuyến khích phát triển sản xuất góp phần đảm bảo an ninh lương thực trong phạm vi cả nước trong mọi tình huống./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Đã ký: **NGUYỄN TẤN DŨNG**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2194/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Đề án phát triển giống cây nông, lâm nghiệp,
giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001.

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020 với các nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Nâng cao năng lực hệ thống nghiên cứu, chọn tạo, chuyển giao, sản xuất, cung ứng giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, để tăng nhanh năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh, hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và thu nhập của nông dân một cách bền vững.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Tăng nhanh tỷ lệ sử dụng giống tiến bộ kỹ thuật cho sản xuất đại trà phù hợp với điều kiện của từng vùng, nhằm tạo ra đột phá mới về năng suất, chất lượng sản phẩm, góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng của ngành.

a) Đối với trồng trọt:

Tỷ lệ dùng giống xác nhận hoặc tương đương trong sản xuất đối với cây lúa đạt 70 - 85% và chấm dứt tình trạng các hộ gia đình tự sử dụng thóc thặng làm giống; đối với các cây khác đạt trên 70%. Năng suất cây trồng các loại tăng trên 15%.

b) Đối với chăn nuôi:

Tỷ lệ sử dụng giống tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất đối với bò thịt và dê đạt 70%; đối với lợn, gia cầm đạt 90%; bò sữa đạt 100%, tỷ lệ bò lai 50%. Năng suất thịt lợn hơi xuất chuồng tăng trên 20%; năng suất sữa đạt 4.500 kg/con/chu kỳ.

c) Đối với lâm nghiệp:

Bảo đảm cung cấp 80% giống được công nhận, trong đó 50% giống từ nhân giống sinh dưỡng cho trồng rừng. Sinh khối tăng trưởng đạt 20 - 25 m³/ha/năm.

d) Đối với thủy sản:

Đảm bảo 75% giống phục vụ nuôi trồng thủy sản là giống sạch bệnh, có chất lượng cao được sản xuất trong nước. Năng suất nuôi trồng các loại thủy sản tăng trên 50%.

2. Nâng cao trình độ khoa học và công nghệ, áp dụng công nghệ sản xuất giống, ứng dụng có hiệu quả công nghệ sinh học trong chọn tạo, để tạo ra nhiều giống mới có năng suất và chất lượng cao, đặc tính tốt cho sản xuất đại trà; phục tráng giống đặc sản địa phương gắn với việc xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý.

3. Khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất giống, hình thành ngành công nghiệp sản xuất giống được hiện đại hoá.

4. Bảo vệ và phát triển nguồn giống sinh sản tự nhiên, đảm bảo tài nguyên động vật, thực vật hoang dã và thủy sản phát triển bền vững.

III. NHIỆM VỤ

1. Tiếp tục nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ về giống bao gồm: bảo tồn và khai thác quỹ gen, nghiên cứu chọn tạo giống, trong đó đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ sinh học, biến đổi gen; xây dựng quy trình nhân, chế biến và bảo quản giống; nâng cao chất lượng giống chọn tạo.

2. Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở giống ở Trung ương (các cơ sở nghiên cứu, các Trung tâm giống quốc gia, các Trung tâm giống vùng), địa phương (các Trung tâm giống cấp tỉnh, huyện) theo hướng đồng bộ, hiện đại.

3. Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ (giao thông, thủy lợi, cơ sở bảo quản, chế biến,...) cho một số vùng sản xuất giống trọng điểm.

4. Sản xuất giống gốc, giống siêu nguyên chủng, giống nguyên chủng, cây đầu dòng, giống cụ kỵ, giống ông bà, đàn hạt nhân, vườn giống, rừng giống, giống thủy sản.

5. Nhập nội nguồn gen, bản quyền tác giả và những giống mới cần thiết để tiếp thu nhanh những thành tựu khoa học công nghệ mới của thế giới.

6. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về giống phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế.

7. Tăng cường năng lực cho hệ thống quản lý, kiểm soát chất lượng giống và dịch bệnh ở tất cả các khâu từ sản xuất, lưu thông, kiểm tra chất lượng giống, xây dựng tiêu chuẩn giống gốc, giống siêu nguyên chủng, giống nguyên chủng, cây đầu dòng, giống cụ kỵ, giống ông bà, đàn hạt nhân, đàn bố mẹ, vườn giống, rừng giống; thực hiện quy định về nhãn mác hàng hoá để đảm bảo giống có chất lượng tốt, có năng suất cao, giảm thiểu dịch bệnh.

8. Các dự án và thứ tự ưu tiên

a) Ưu tiên đầu tư phát triển giống phục vụ mục tiêu nâng cao khả năng cạnh tranh, hiệu quả xuất khẩu, bao gồm các dự án giống: lúa thuần chất lượng cao, một số cây ăn quả chủ lực, rau, hoa và nấm, cà phê, ca cao, cao su, chè chất lượng cao, cá tra, basa, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm hùm, công nghệ sản xuất giống một số loài cá biển, nhuyễn thể, rong biển có giá trị kinh tế cao.

b) Chú trọng đầu tư các dự án giống phục vụ sản xuất cho tiêu dùng trong nước và thay thế nhập khẩu, bao gồm các dự án giống: lúa lai, ngô lai, lạc, đậu tương, cây có củ, mía, lợn, gia cầm, bò thịt, bò sữa, trâu và một số gia súc ăn cỏ, cây gỗ lớn, cây gỗ nhỏ, một số loài cây lâm

sản ngoài gỗ; ong và tầm tơ, một số động vật quý hiếm; cỏ, cây thức ăn chăn nuôi, công nghệ sản xuất giống và bảo tồn một số loài cá bản địa có giá trị kinh tế hoặc có nguy cơ tuyệt chủng; dự án tăng cường năng lực quản lý nhà nước về giống cây nông nghiệp, giống cây lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

IV. TỔNG NHU CẦU VỐN: khoảng 69.900 tỷ đồng.

V. NGUỒN VỐN

1. Ngân sách nhà nước (bao gồm nguồn vốn trung ương, địa phương) chiếm 22%;
2. Vốn vay tín dụng đầu tư chiếm 25%;
3. Vốn vay thương mại chiếm 25%;
4. Vốn tự có và vốn huy động của các tổ chức, cá nhân chiếm 28%.

VI. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Quy hoạch hoàn thiện hệ thống nghiên cứu, sản xuất và cung ứng giống từ trung ương đến cơ sở gắn với vùng sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương hoàn thiện quy hoạch hệ thống nghiên cứu, chuyển giao, sản xuất và cung ứng giống, đảm bảo đủ giống tốt, chất lượng cho sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

a) Đối với nông nghiệp: quy hoạch và đầu tư tăng cường năng lực các Trung tâm giống, các doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ gia đình gắn kết với các Viện khoa học công nghệ vùng để thực hiện đồng bộ từ khâu nghiên cứu, chọn tạo, nhân và sản xuất giống xác nhận cho sản xuất đại trà trên địa bàn;

b) Đối với lâm nghiệp: kiện toàn lại tổ chức quản lý hệ thống rừng giống quốc gia. Quy hoạch và đầu tư tăng cường năng lực các Trung tâm khoa học lâm nghiệp quốc gia ở các vùng, xây dựng 3 vườn ươm giống hiện đại tại 3 vùng; địa phương có diện tích trồng rừng từ 10.000 ha/năm trở lên xây dựng một vườn ươm giống quy mô phù hợp; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế xây dựng vườn ươm;

c) Đối với thủy sản: quy hoạch và tăng cường đầu tư năng lực các Trung tâm giống quốc gia, giống cấp I và Trung tâm thủy sản cấp tỉnh; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân nâng cấp, xây dựng mới các trại giống thủy sản, gắn kết từ nghiên cứu, chọn tạo, nhân, gây, chuyển giao và nhân nhanh giống cho sản xuất đại trà.

2. Về đầu tư.

a) Ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn sự nghiệp) đầu tư cho:

- Nghiên cứu khoa học về giống, ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu chọn tạo, nhân giống, chế biến hạt giống thuộc dự án quy định tại điểm a khoản 8 mục III Quyết định này;

- Giữ nguồn gen: đầu tư quy hoạch, xây dựng cơ sở vật chất, thu thập và nuôi giữ ban đầu các nguồn gen động vật, thực vật, thủy sản; bảo tồn giống cây đầu dòng, vườn cây giống lâm nghiệp, rừng giống, giống thủy sản quý hiếm;

- Nhập nội nguồn gen, giống mới có năng suất, chất lượng mà trong nước chưa có hoặc còn thiếu;

Bí mật nhất của công ty là ở sự khác nhau

- Nhập công nghệ mới, tiên tiến về sản xuất giống; mua bản quyền tác giả giống; thuê chuyên gia nước ngoài nghiên cứu chọn tạo, sản xuất giống;

- Hoàn thiện công nghệ và xây dựng một số mô hình trình diễn về công nghệ sản xuất giống;

- Đầu tư hạ tầng cơ sở nghiên cứu, sản xuất, chế biến giống (bao gồm thủy lợi, giao thông nội đồng, xử lý nước thải);

- Xây dựng trại giống đầu dòng; Trung tâm giống thủy sản (cấp quốc gia, cấp I, cấp tỉnh); trại giống cụ kỵ, ông bà, trại hạt nhân, giống gốc vật nuôi, trạm thụ tinh nhân tạo;

- Sản xuất thử, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, công nhận giống mới;

- Đào tạo ngắn hạn cán bộ nghiên cứu, sản xuất giống (kể cả trong và ngoài nước); tập huấn quy trình kỹ thuật; tăng cường quản lý chất lượng về giống; hoàn thiện quy trình sản xuất, chế biến, bảo quản, quản lý chất lượng giống.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng các vùng sản xuất giống tập trung áp dụng công nghệ cao phát triển giống, mức tối đa không quá 50%;

- Sản xuất giống gốc hỗ trợ 1 lần không quá 50% chi phí sản xuất giống gốc, đầu dòng, siêu nguyên chủng, giống cụ kỵ, giống ông bà, giống bố mẹ đối với giống lai và không quá 30% chi phí sản xuất giống lai đối với một số loại giống cần khuyến khích.

3. Về tín dụng

a) Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất giống gốc, giống siêu nguyên chủng, giống nguyên chủng, giống bố mẹ (đối với các giống lai), cây đầu dòng, giống cụ kỵ, giống ông bà, đàn hạt nhân, đàn nhân giống, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống, giống mới sử dụng công nghệ cao được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước theo quy định hiện hành.

b) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia và Quỹ phát triển khoa học và công nghệ địa phương dành kinh phí cho các dự án thử nghiệm về sản xuất, chế biến giống. Ưu tiên cho áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ về giống thuộc các thành phần kinh tế.

4. Các Ngân hàng thương mại quốc doanh tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân vay vốn đầu tư sản xuất, chế biến giống.

5. Về đất đai và thủy lợi phí.

Các tổ chức, cá nhân sử dụng đất để nghiên cứu, thí nghiệm và sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi, giống thủy sản được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất với ưu đãi cao nhất về tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất; miễn nộp thủy lợi phí.

VII. CƠ CHẾ ĐẦU TƯ HỖ TRỢ VÀ THU HỒI VỐN

1. Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu, chọn tạo, nhập khẩu và nhân giống.

2. Thực hiện tổ chức đấu thầu công khai các đề tài nghiên cứu, chọn tạo giống; trường hợp các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhu cầu nghiên cứu chọn tạo giống theo đề tài độc lập, lập đề cương nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt được vay vốn từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia; được hỗ trợ khảo kiểm nghiệm; khi bán bản quyền hoặc sản phẩm giống sẽ hoàn lại phần vốn đã vay.

3. Thu hồi vốn ngân sách nhà nước đầu tư:

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước (trung ương, địa phương) sau khi dự án hoàn thành giá trị vốn đầu tư được ghi tăng vào giá trị tài sản nhà nước giao cho đơn vị quản lý sử dụng.

b) Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc thu hồi vốn từ nguồn vốn ngân sách đầu tư dự án do doanh nghiệp tư nhân, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân làm chủ đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Đề án phát triển giống trên phạm vi cả nước; trực tiếp triển khai thực hiện các dự án do các đơn vị thuộc Bộ làm chủ đầu tư; tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư thực hiện đề án của các Bộ, ngành, địa phương báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để cân đối ngân sách; hướng dẫn các Bộ, ngành và các địa phương triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện Đề án giống.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công thương chịu trách nhiệm chỉ đạo, phê duyệt các dự án giống, các đề tài nghiên cứu khoa học về giống do các đơn vị thuộc Bộ làm chủ đầu tư, thực hiện chế độ báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp chung.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của Bộ hướng dẫn nội dung có liên quan của Quyết định này; cân đối kinh phí cho các dự án giống đã được phê duyệt thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành; bổ sung có mục tiêu theo quy định của Luật ngân sách cho các địa phương thực hiện các chương trình phát triển giống.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo các chương trình phát triển giống trên phạm vi địa phương; phê duyệt và phân bổ vốn cho dự án giống của địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Đã ký: **NGUYỄN SINH HÙNG**

CHÍNH PHỦ

Số: 61/2010/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH

Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định một số ưu đãi và hỗ trợ đầu tư bổ sung của Nhà nước dành cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nhà đầu tư nhận ưu đãi và hỗ trợ quy định tại Nghị định này là doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Vùng nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn của phường, quận thuộc thị xã, thành phố.

2. Lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư bao gồm những ngành, nghề được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và những ngành, nghề khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.

3. Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư là dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định pháp luật về đầu tư.

4. Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư là dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định pháp luật về đầu tư.

5. Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư là dự án đầu tư thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được thực hiện tại vùng nông thôn.

Điều 4. Điều kiện áp dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư quy định tại Điều 3 Nghị định này được hưởng các ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư theo quy định của Nghị định này.

2. Nhà đầu tư có dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 Nghị định này nếu đã triển khai thực hiện dự án trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ (nếu có) cho thời gian còn lại; Nhà nước không hoàn trả các khoản tiền nhà đầu tư đã nộp để thực hiện dự án trước đó.

Chương II ƯU ĐÃI VỀ ĐẤT ĐAI

Điều 5. Miễn, giảm tiền sử dụng đất

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nếu được nhà nước giao đất thì được miễn tiền sử dụng đất đối với dự án đầu tư đó.

2. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư thì được giảm 70% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án đầu tư đó.

3. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư nếu được nhà nước giao đất thì được giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án đầu tư đó.

Điều 6. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư nếu thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước thì được thuê với mức giá thấp nhất theo khung giá thuê đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động.

3. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 15 năm đầu kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động.

4. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 11 năm đầu kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động.

5. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng nhà ở tập thể cho công nhân, đất trồng cây xanh và đất phục vụ phúc lợi công cộng.

Điều 7. Hỗ trợ thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nếu thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân để tiến hành dự án đầu tư đó thì được Nhà nước hỗ trợ 20% tiền thuê đất, thuê mặt nước theo khung giá đất, mặt nước của địa phương cho 5 năm đầu tiên kể từ khi hoàn thành xây dựng cơ bản.

2. Khuyến khích doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư tích tụ đất hình thành vùng nguyên liệu thông qua hình thức hộ gia đình, cá nhân góp vốn bằng quyền sử dụng đất đối với các dự án không thu hồi đất.

Điều 8. Miễn, giảm tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nằm trong quy hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã phê duyệt được miễn nộp tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất.

2. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư nằm trong quy hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã phê duyệt được giảm 50% tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất.

Chương III HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 9. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực

1. Doanh nghiệp siêu nhỏ có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo nghề trong nước, mức kinh phí đào tạo phải phù hợp với các quy định hiện hành.

2. Doanh nghiệp nhỏ có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% kinh phí đào tạo nghề trong nước, mức kinh phí đào tạo phải phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Doanh nghiệp vừa có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo nghề trong nước, mức kinh phí đào tạo phải phù hợp với các quy định hiện hành.

4. Mỗi lao động chỉ được đào tạo tối đa một lần/năm và thời gian đào tạo được hỗ trợ kinh phí không quá 6 tháng.

Khoản tiền hỗ trợ được ngân sách nhà nước cấp cho các cơ sở dạy nghề của tỉnh để đào tạo cho các doanh nghiệp nói tại Điều này có nhu cầu hoặc trực tiếp cấp cho doanh nghiệp trong trường hợp đào tạo tại chỗ.

Điều 10. Hỗ trợ phát triển thị trường

1. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% chi phí quảng cáo doanh nghiệp và sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh và thành phố nơi doanh nghiệp đầu tư.

2. Doanh nghiệp vừa có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo doanh nghiệp và sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh và thành phố nơi doanh nghiệp đầu tư.

3. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% kinh phí triển lãm hội chợ trong nước; được miễn phí tiếp cận thông tin thị trường, giá cả dịch vụ từ cơ quan xúc tiến thương mại của nhà nước.

4. Doanh nghiệp vừa có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí triển lãm hội chợ trong nước; được giảm 50% phí tiếp cận thông tin thị trường, giá cả dịch vụ từ cơ quan xúc tiến thương mại của Nhà nước.

Điều 11. Hỗ trợ dịch vụ tư vấn

1. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí tư vấn thực tế để thuê tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý, tư vấn nghiên cứu thị trường, tư vấn luật pháp, tư vấn về sở hữu trí tuệ, tư vấn nghiên cứu khoa học, tư vấn chuyển giao công nghệ, tư vấn áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến vào sản xuất nhưng không vượt quá các mức theo quy định hiện hành.

2. Doanh nghiệp vừa có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% kinh phí tư vấn thực tế để thuê tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý, tư vấn nghiên cứu thị trường, tư vấn luật pháp, tư vấn về sở hữu trí tuệ, tư vấn nghiên cứu khoa học, tư vấn chuyển giao công nghệ, tư vấn áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến vào sản xuất nhưng không vượt quá các mức theo quy định hiện hành.

Điều 12. Hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ.

Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được Quỹ Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu tạo ra công nghệ mới do doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhằm thực hiện dự án; hỗ trợ 30% tổng kinh phí đầu tư mới để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (không tính trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí).

Điều 13. Hỗ trợ cước phí vận tải

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần cước phí vận tải hàng hóa là sản phẩm đầu ra là hàng hóa tiêu thụ trong nước của dự án đó từ nơi sản xuất tới nơi tiêu thụ, nếu khoảng cách từ nơi sản xuất tới nơi tiêu thụ từ 100 km trở lên.

2. Phần kinh phí được hỗ trợ là 50% cước phí vận tải thực tế, nhưng không quá 500.000.000 VND/doanh nghiệp/năm. Dự án đầu tư chỉ được hỗ trợ kinh phí sau khi có đầy đủ chứng từ, vận đơn hợp lệ.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2010.

Điều 15. Trách nhiệm hướng dẫn thực hiện

Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Đã ký: **NGUYỄN TẤN DŨNG**

Phụ lục
DANH MỤC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2010
của Chính phủ)*

1. Trồng, chăm sóc rừng, cây dược liệu.
2. Nuôi trồng nông, lâm, thủy sản trên đất hoang hoá, vùng nước chưa được khai thác, trên biển, trên hải đảo.
3. Đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ.
4. Sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy, hải sản.
5. Sản xuất, khai thác, tinh chế muối.
6. Xây dựng hệ thống cấp nước sạch, vệ sinh môi trường, thoát nước.
7. Sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu bệnh, thuốc phòng, chữa bệnh cho động vật, thủy sản, thuốc thú y.
8. Xây dựng chợ loại 1, khu triển lãm giới thiệu sản phẩm tại vùng nông thôn.
9. Ứng dụng công nghệ sinh học.
10. Sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.
11. Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến gia cầm, gia súc tập trung, công nghiệp.
12. Chế biến nông, lâm, thủy sản; bảo quản nông, lâm sản, thủy sản sau thu hoạch.
13. Thủy điện vừa và nhỏ (quy mô đến nhóm B); dự án năng lượng mới: điện mặt trời, điện gió, khí sinh vật, địa nhiệt, thủy triều; năng lượng tái tạo không phân biệt quy mô.
14. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường.
15. Thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải.
16. Xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp - nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh, phục vụ đời sống cộng đồng nông thôn; xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.
17. Sản xuất máy phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.
18. Xây dựng: khu du lịch sinh thái, khu du lịch quốc gia; khu công viên văn hóa có các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí.
19. Phát triển và ươm tạo công nghệ cao.
20. Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp chế biến.
21. Chăn nuôi, sản xuất gia cầm, gia súc tập trung.
22. Xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại: siêu thị, trung tâm thương mại, kho, trung tâm logistics.
23. Dịch vụ kỹ thuật trồng cây công nghiệp, cây lâm nghiệp; dịch vụ bảo vệ cây trồng, vật nuôi.
24. Dịch vụ tư vấn khoa học, kỹ thuật về gieo trồng, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y, bảo vệ thực vật.
25. Dịch vụ vệ sinh phòng, chống dịch bệnh ở vùng nông thôn.
26. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm văn hóa, dân tộc truyền thống.
27. Sản xuất giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản trong nước; sản xuất bột giấy.
28. Dệt vải, hoàn thiện các sản phẩm dệt; sản xuất tơ, sợi các loại; thuộc da, sơ chế da; sản xuất thiết bị máy móc cho ngành dệt, ngành may, ngành da./.

BẢN CHẤT KHOA HỌC CỦA THÀNH CÔNG VÀ THẤT BẠI LÀ GIỐNG NHAU

Là một bạn đọc của Báo Nông nghiệp Việt Nam, tôi rất chăm chú và hào hứng theo dõi loạt bài “Chúng tôi từng thất bại”. Từ xưa đến nay trong tuyên truyền Khuyến nông cho nông dân chúng ta thường chỉ thấy nói nhiều về mặt thành công, nói nhiều ưu điểm mà không nói thất bại, nói ít hoặc nói lướt qua nhược điểm, kể cả Báo NNVN. Theo ngôn ngữ truyền thông thì cách quảng bá ấy là một chiều, không đầy đủ. Bây giờ là thời đại thông tin, chúng ta phải thay đổi lại, cần thông tin hai chiều, nhiều chiều để nông dân lựa chọn, để tránh lặp lại thất bại của người đã vấp phải ở nơi này nơi khác và quan trọng hơn để tăng thu nhập cho người nông dân và giảm phí tổn cho xã hội.

Hiện nay trên thế giới có môn “**Thất bại học**” và được người ta coi trọng ngang với “**Thành công học**” bởi vì bản chất khoa học của thành công và thất bại là giống nhau; có thể ví dụ việc sản xuất giống lúa lai F1 của Công ty Nông nghiệp Hữu Cơ ở Long An năm trước tổng kết bị rầy nâu và chua phèn nên thất bại thì khắc phục được nguyên nhân ấy sẽ thành công. Vì vậy việc tổng kết các nguyên nhân dẫn đến đổ vỡ, thất bại... càng đầy đủ, càng sâu càng tốt. Đó là bước phát triển của trí tuệ, của xã hội ngày càng dân chủ hơn, không chỉ trong khoa học tự nhiên mà cả trong khoa học xã hội.

Như các báo hay nói, ở nước ta thường mắc bệnh thành tích, nói nhiều về thành công, nói nhẹ về thất bại, thậm chí che giấu mặt trái hoặc “nói dối một cách thiện chí”. Nếu đã là “Diễn đàn xã hội vì sự phát triển nông nghiệp và nâng cao dân trí nông thôn” thì tôi đề nghị báo Nông nghiệp Việt Nam **đi tiên phong** trong vai trò tư vấn, phân biện xã hội về nông nghiệp, nông thôn và thực hiện cách truyền thông đa chiều cho nông dân trên trang khuyến nông, hàng ngày cập nhật mặt được, mặt chưa được, kể cả việc lường trước, dự báo, nêu các vấn đề... để tập hợp thông tin, kiến thức và kinh nghiệm.... cho nông dân. Nếu làm được điều đó thì chắc chắn là sẽ được đồng đảo nông dân hoan nghênh và sẽ có nhiều cộng tác viên tham gia bày tỏ chính kiến và kinh nghiệm.

Khoa học nông nghiệp có đối tượng là sinh học tương tác với các điều kiện sinh thái luôn biến đổi như ông bà ta nói phải “trông trời, trông đất, trông mây”. Nông dân ở các vùng khác nhau lại có nhận thức và tập quán canh tác khác nhau. Chúng tôi đã gặp gỡ và phỏng vấn rất nhiều nông dân tiên tiến, nông dân sản xuất giỏi (là những người có nhiều thành công) **thì đa số họ đều khẳng định họ đã từng thất bại một vài ba lần rồi mới thành công**. Thành công phải đến dần dần, từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, không có thành công “đột biến”, nếu tự biết rút kinh nghiệm thất bại, không chủ quan, không nản chí. Phải luôn học hỏi cập nhật kinh nghiệm thành công, thất bại của người khác, không chủ quan, cần khiêm tốn.

Tôi nhớ có một bác nông dân làm trang trại ở huyện Tân Sơn (Phú Thọ) nói với tôi rằng: “Qua thất bại tôi đã học được kinh nghiệm luôn luôn ngoái lại đằng sau, có khi phải lùi lại một hai ba bước để có một bước tiến mới”.

Nhiều năm tham gia hoạt động khuyến nông, tôi cũng rút ra cho mình một số nhận xét: **Phải kiên trì**, muốn đưa một tiến bộ kỹ thuật thành công trên diện rộng cần một khoảng thời gian nhất

định và thường phải trải qua rút kinh nghiệm nhiều lần thất bại; thông số chung là cần có độ dài **khoảng một thập kỷ**, không được nóng vội, thổi phồng. Có thể lấy ví dụ như lúa lai, ngô lai, bò lai, lợn lai, keo lai... đều cần có khoảng thời gian khoảng trên dưới 10 năm mới được khẳng định. Để chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thành công cần xây dựng **3 hệ thống quyết định**: Hệ thống mô hình trình diễn thuyết phục (để người dân tận mắt chứng kiến); Hệ thống đội ngũ khuyến nông viên sâu sát, tận tụy, biết làm, nhạy bén, miệng nói, tay làm, biết tổng kết; Hệ thống thông tin đa dạng, nhiều chiều (để phổ cập).

Trong các kênh khuyến nông thì **kênh khuyến nông của nông dân với nông dân có hiệu quả bền vững nhất** ở cả 3 tiêu chí: sự thuyết phục, tính khả thi và hiệu quả. Chúng ta chưa tổng kết được trong hơn 10 triệu hộ nông nghiệp (trong đó có khoảng 30% số hộ giỏi, tiên tiến) thì họ tự giúp nhau thành công và giảm đỡ sự thất bại như thế nào mà chỉ thường nói nhiều về thành tích của hệ thống khuyến nông chuyên trách. Tôi nghĩ đó cũng là dạng thông tin một chiều.

Vấn đề khó nữa là phải tìm ra **cách kết hợp giữa sản xuất và thị trường có hiệu quả** vì nếu tất cả đều làm theo khuyến nông thì có thể lại “ hơi bị thừa” theo quy luật cung cầu của thị trường như “được mùa rớt giá” trong loạt bài “Chúng tôi từng thất bại” trên Báo NNVN đã phản ánh.

Trước đây một thời kỳ chúng ta **làm** nông nghiệp dựa vào hộ nông dân và hợp tác xã. Việc đó đã góp phần quyết định thắng lợi của các cuộc kháng chiến, giành được độc lập, thống nhất đất nước.

Ngày nay chúng ta **phát triển** nông nghiệp trong thể chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn dựa vào hộ nông dân và có thêm lực lượng Doanh nghiệp nông nghiệp, Hợp tác xã kiểu mới của nông dân. Như vậy điều mấu chốt bây giờ là phải xây dựng được một cơ chế mới trong quan hệ **nông dân đồng thuận với doanh nghiệp, với chính quyền; xây dựng được tổ chức cộng đồng mới** tự chủ, dân chủ, năng động, hiện đại; phân phối hài hòa giữa các nhóm lợi ích để tạo ra giá trị gia tăng mới ngày càng lớn hơn trong bậc thang giá trị của nông dân Việt Nam làm ra khi hội nhập.

Một trong những giải pháp là cách tuyên truyền mới, cần luôn dũng cảm tổng kết, thừa nhận và phổ biến những thất bại, coi thất bại (cũ) là một điều kiện để đi đến thành công (mới) thì sẽ thành công lớn hơn, trở thành người bạn tốt hơn của nông dân. Tôi hiểu câu châm ngôn “Thất bại là mẹ thành công” là cách nhìn biện chứng mang ý nghĩa là không coi thất bại đồng nghĩa với thất vọng, là cách nhìn tích cực trong sự phát triển của cuộc sống.

(Bài viết hưởng ứng loạt bài “Chúng tôi đã từng thất bại” trên báo NNVN T08/210)

TS. Lê Hưng Quốc

MẪU THAM KHẢO LẬP DỰ ÁN VỀ GIỐNG CÂY TRỒNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH GIỐNG QUỐC GIA ĐẾN 2020

1. Tên dự án.

2. Căn cứ Pháp lý.

Căn cứ QĐ 2194/2009/TTg-CP ngày 25/12/2009 phê duyệt đề án giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020.

3. Tính cấp thiết của Dự án.

- Nêu hiện trạng cơ sở vật chất của đơn vị.
- Nhu cầu giống chất lượng, giống xác nhận, giống lai của địa phương.
- Các khả năng và thế mạnh của đơn vị.

4. Nội dung dự án:

4.1. Mục tiêu Dự án

- 1). Mục tiêu chung.
- 2). Mục tiêu cụ thể.

4.2. Cơ quan chủ quản dự án:

Cơ quan triển khai dự án:

4.3. Nội dung đầu tư

4.3.1). Vốn sự nghiệp.

- Nghiên cứu ứng dụng.
- Khảo, kiểm nghiệm.
- Nhập khẩu giống.
- Sản xuất giống (giống gốc, siêu nguyên chủng, nguyên chủng, giống đầu dòng...)
- Tập huấn, đào tạo cho người chuyên sản xuất giống (lúa, màu, cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lâm nghiệp, hoa, rau...)
- Hoàn thiện quy trình sản xuất công nghệ mới về sản xuất giống.

4.3.2). Vốn xây dựng cơ bản.

+ Xây lắp:

Nêu tính cần thiết của từng hạng mục: (Hiện trạng, tính cấp thiết, tác dụng khi khai thác sử dụng phục vụ cho nhân giống chất lượng...), quy mô, địa điểm, công suất... ở các trạm, trại và công ty.

+ Thiết bị:

- Nêu tính cần thiết của từng thiết bị: (Hiện trạng, tính cấp thiết, tác dụng khi khai thác sử dụng phục vụ cho nghiên cứu giống, sản xuất, kinh doanh...)
- Xây dựng phòng kiểm nghiệm chất lượng đủ tiêu chuẩn.

4.4. Bảng tổng hợp

TT	Nội dung đầu tư	Đơn vị	Giá thành	Thành tiền
1	Vốn sự nghiệp			
	- Nhập khẩu giống			
	- Nghiên cứu ứng dụng			
	- Sản xuất			
	- Mô hình			
	- Khảo kiểm nghiệm			
	- Đào tạo			
2	Xây dựng cơ bản			
	- Xây lắp			
	- Thủy lợi			
	- San phẳng mặt ruộng			
3	Trang, thiết bị			
	- Phòng kiểm nghiệm			
	- Máy (sấy, sàng, đóng gói...)			
	- Máy (làm đất, san mặt ruộng...)			
	Tổng số			

5. Tổng mức đầu tư.

- Vốn sự nghiệp.
- Vốn xây dựng cơ bản.
- Dự phòng.

6. Cơ cấu nguồn vốn.

- Vốn Nhà nước.
- Vốn tự huy động.
- Vốn vay.

7. Phân kỳ đầu tư.

- Năm:
- Năm:

8. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư.
- Ban quản lý dự án.
- Cách thức triển khai dự án.
- Khai thác sử dụng sau khi dự án hoàn thành.
- Khai thác sử dụng sau khi dự án hoàn thành.

.....

9. Phân tích hiệu quả dự án.

- Hiệu quả kinh tế của riêng dự án.
- Ảnh hưởng của Dự án đối với sản xuất và xã hội.

.....

10. Đề nghị

BẢNG DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM HẠT GIỐNG

TT	Tên thiết bị Đặc tính kỹ thuật	CAT.NO Xuất xứ	SL	Đơn giá (VNĐ)	T Tiền (VNĐ)
A	Thiết bị kiểm định				
1	Máy đếm nhớ cầm tay Hãng Cole-Parmer(USA) cung cấp Bốn chữ số đếm Làm bằng thép không gỉ	20610 - 00 Mỹ	06	300.000	1.800.000
2	Thước gỗ Việt Nam sản xuất	Việt Nam	04	100.000	400.000
B	Thiết bị lấy mẫu				
1	Bộ dụng cụ lấy mẫu Noble, loại trung Do Việt Nam sản xuất Chuyên sử dụng lấy mẫu gạo,... hạt giống có kích thước nhỏ Chiều dài xiên: 400mm Cán xiên: 100 mm Đường kính ngoài xiên: Ø 16mm Vật liệu: inox, cán nhựa	Nob 16 Mỹ	04	300.000	1.200.000
2	Dụng cụ chia mẫu dạng nón, Hãng Seeburo (USA) Được thiết kế theo tiêu chuẩn của USDA-FGIS (GIPSA). trọng lượng mẫu: 1000g Độ chính xác: ± 1% Vật liệu: đồng thau, chống gỉ. Máy được cung cấp cùng với 2 pan có tay cầm Kích thước: 19"L x 19"W x 38"H	No.34	01	39.000.000	39.000.000
3	Cân cơ kỹ thuật Hãng Ohaus(USA) sản xuất Trọng lượng cân tối đa: 310g - Độ lặp: 0.01 g - 3 Cân: * cân trước 100 x 10g * cân giữa 200 x 100g * cân xoay 10 x 0.01g Bàn cân: đường kính 3,5" - Kích thước: 15" x 12" H x 6"D, trọng lượng 2.8 kg	01330-00 Mỹ, SX tại Trung Quốc	01	6.500.000	6.500.000

Các giá trị của Công ty: Nội lực, cách thể hiện, quan hệ với khách hàng

4	Cân kỹ thuật hiện thị số Hãng Satorius (Đức) sản xuất Trọng lượng cân được: 0-1,500g độ phân giải: 0,01g Độ lặp lại: 0,01g Độ chính xác; 0,015g Thời gian ổn định: Khoảng 30 giây Kích thước đĩa cân: đường kính 165 mm Nguồn điện sử dụng: 230VAC, 50Hz	TE 1502 Mỹ, SX tại Trung Quốc	01	12.000.000	12.000.000
5	Khay đựng mẫu inox Việt Nam sản xuất Kích thước: 20 x 30 x 3 cm	Việt Nam	10	75.000	7.500.000
6	Thiết bị chia mẫu dạng hộp Hãng Seedburo (USA) sản xuất Chiều cao: 0.23m Thể tích tối đa: 1.5L Thiết bị gồm 14 kênh kích thước 16mm; chia mẫu thành 2 khay giống nhau Vật liệu: thép không gỉ Cung cấp gồm: Thùng chứa 1.5 L Khay hứng phía dưới	30080 Mỹ	01	35.000.000	35.000.000
7	Kìm niêm phong Do Đài Loan sản xuất	Đài Loan	02	500.000	1.000.000
8	Túi vải đựng mẫu		500	5.000	2.500.000
C	Thiết bị đo độ ẩm				144.100.000
1	Máy nghiền mẫu Hãng IKA (Đức) sản xuất Model MF 10 Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 - Nghiền liên tục. Có thể lắp được 2 đầu nghiền khác nhau, một đầu cắt các vật xơ, sợi, một đầu dung để nghiền các vật cứng giòn. Dễ dàng thay và làm sạch đầu nghiền. Sản phẩm nghiền được đi qua 1 sàng gắn vào đầu nghiền, có thể thay các loại sàng với kích cỡ lỗ sàng khác nhau. - Dải tốc độ: 3000 - 6000 vòng/phút - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50Hz - Đầu nghiền các vật cứng giòn như hạt <u>Chọn 1 hoặc nhiều loại sàng sau:</u> Sàng 1.0mm Sàng 1.5mm Sàng 2.0mm	MF10.2 Đức	01 01 01 01	79.000.000	79.000.000
		2939300 2939400 2939500			

Hãy đề ra đích cần đạt tới và tìm cách thực hiện các mục tiêu đó

2	Hộp sấy mẫu Do Phương hai sản xuất Vật liệu: Nhôm Đường kính 7.5 cm, cao 6cm	Việt Nam	30	220.000	6.600.000
3	Cân phân tích điện tử Hãng Satorius (Đức) sản xuất Đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế ISO 9001 - Trọng lượng cân đo tối đa: 210g - Độ chính xác: 0,0001 g (0,1 mg) (10-4) - Độ phân giải: 0,0001 g (0,1mg) - Độ tuyến tính của thanh đo: 0,0002 g (0,2mg) - Thời gian ổn định: khoảng 3 giây - Đường kính đĩa cân: 8,9 cm - Đơn vị cân: gr, ct (carats), oz (ounces) * Chỉ thị sự ổn định của giá trị cân - Chức năng bảo vệ quá tải và thông báo quá tải - Kích thước hộp chắn gió: - Điện 230V; 50 Hz	TE 214 Đức	01	23.000.000	23.000.000
4	Tủ sấy cài chương trình nhiệt độ (Oven) Hãng Memmert (Đức) sản xuất Model UNB400 - Thể tích: 53 lít - Nhiệt độ max: 250 ⁰ C - Số giá đựng mẫu: 2 - Độ đồng đều nhiệt độ: ± 2% nhiệt độ đạt được - Độ chính xác nhiệt độ: ± 0,3 ⁰ C - Điều khiển nhiệt độ: Vi xử lý, Hiện số LED - Chức năng đông hồ tự tắt/bật, hẹn đến 100 giờ - Có bảo vệ quá nhiệt - Vật liệu làm tủ: Bên ngoài phủ sơn chống ăn mòn, bên trong bằng thép không gỉ - Cách nhiệt bằng sợi thủy tinh - Có cổng nối máy in hoặc máy tính. - Điện sử dụng: 220 VAC	UNB 400 Đức	01	20.000.000	20.000.000
5	Bình hút ẩm, Hãng Cole-Parmer cung cấp Vật liệu thủy tinh Đường kính: 250 mm Cung cấp kèm đĩa inox, chất hút ẩm silicagel, vaseline	34549-20 Đức	01	5.000.000	5.000.000

Sự khác biệt tới từng nửa phần trăm

6	Găng tay chịu nhiệt Do Trung Quốc sản xuất		02	250.000	500.000
7	Máy đo độ ẩm hạt ngũ cốc Hãng Kett (Nhật) sản xuất Thao tác đơn giản: Đổ mẫu ngũ cốc vào khoang đo và nhấn phím "measure", độ ẩm sẽ hiển thị Tính năng kỹ thuật: Thang đo: 1-40% Môi trường thao tác: 0-40% Độ chính xác: 0,5% Chức năng điều chỉnh độ ẩm trung bình, chế độ tắt Nguồn điện: 4 pin AA Trọng lượng: 1kg Ứng dụng đo: Bắp, đậu phụng, 3 loại cà phê (cà phê nhân, cà phê rang, cà phê xanh, đậu nành, đậu mung, lúa mì, tiêu đen, gạo hạt dài, lúa mạch, lúa miến.	PM 400 Nhật	01	10.000.000	10.000.000
D	Thiết bị phân tích độ sạch và độ đúng giống				107.900.000
1	Máy thổi hạt lép Hãng Seedburo (USA) sản xuất Công suất động cơ: 1/3 hp Kích thước: 20"L x W x 30 1/2" H Nguồn điện sử dụng: 220V; 50Hz Các phụ kiện: *Bộ ống thổi loại nhỏ Đường kính: 1 1/2" với lưới 100 mesh Đường kính 3" với lưới 50 mesh và nắp đậy van đã được chuẩn	757/A Mỹ 757 - 3	01	43.500.000	43.500.000
2	Dao gặt chuyên dùng Do Cole parmer (USA) cung cấp - Dạng thẳng - Vật liệu thép không gỉ, dẻo - Kích thước lưỡi dao: dài 4 inch x dày 11/16 inch	06369-15 Mỹ	10	250.000	2.500.000
3	Bàn phân tích hạt Sản xuất tại Việt Nam Dài 2000 x cao 800 x rộng 1100 mm	Việt Nam	02	4.000.000	8.000.000
4	Ghế xoay cho kiểm nghiệm viên Sản xuất tại Việt Nam	Việt Nam	06	600.000	3.600.000

5	Bàn phân tích mẫu có đèn Hãng Seedburo (USA) Model 135/A Kích thước: 301/2" L x 131/2" W x 41/2" H Đèn: huỳnh quang, 220V	135/A Mỹ	02	4.700.000	9.400.000
6	Đèn soi hạt có kính lúp Hãng Seedburo (USA) Model MC200 Dạng: Clamp-on Cánh tay đèn: 42" Độ phóng đại: 3 diopter Đèn: huỳnh quang, 9W, 220V	MC 200 Mỹ	02	4.700.000	9.400.000
7	Kính hiển vi soi nổi, (Stereozoom Microscop) Hãng Meiji (Nhật) sản xuất Dạng 02 thị kính - Độ phóng đại: 7x - 45x - Thị kính: nghiêng 45 ⁰ - Trường ngắm: 32mm-5.1mm - khoảng cách làm việc: 93 mm - Thị kính: 10x - Tỷ số phóng đại: 6:5:1 - Thân bằng kim loại chắc bền: Có thể xoay 360 ⁰	EMZ-5 Nhật Bản	01	25.000.000	25.000.000
8	Lọ thủy tinh đựng mẫu chuẩn Trung Quốc sản xuất Thủy tinh, 250mL, dạng tam giác	Trung Quốc	100	25.000	2.500.000
9	Tủ đựng mẫu chuẩn	Việt Nam	01	4.000.000	4.000.000
E	Thiết bị kiểm nghiệm nảy mầm				57.300.000
1	Bàn Inox đặt hạt nảy mầm Mua tại Việt Nam Kích thước: Dài 2m x rộng 1m x cao 0,8 m	Việt Nam	02	4.000.000	8.000.000
2	Khay thử nghiệm nảy mầm Mua tại Việt Nam	Việt Nam	100	20.000	2.000.000
3	Đĩa Petri thủy tinh Do Đức sản xuất Đường kính 90 x 12 mm	Đức	200	30.000	6.000.000
4	Panh gấp Do Trung Quốc sản xuất Dài: 20cm	Trung Quốc	10	30.000	300.000

Phải cân đối thật thông minh 2 giá trị: Giá trị quyền lợi vật chất và giá trị văn hoá tinh thần mới thắng được trong cạnh tranh

5	Tủ phá ngủ (Incubator) Hãng Memmert (Đức) sản xuất Model INB 400 - Thể tích: 53 lít - Nhiệt độ max: 5 - 70 ⁰ C - Số giá đựng mẫu: 2 - Độ đồng đều nhiệt độ: ± 2% nhiệt độ đạt được - Độ chính xác nhiệt độ - Điều khiển nhiệt độ: vi xử lý, màn hình LED rộng - Chức năng đồng hồ tự tắt/bật, hẹn giờ đến 100 giờ - Có bảo vệ quá nhiệt - Vật liệu làm tủ: Bên ngoài bằng thép mạ kẽm chống ăn mòn, bên trong bằng thép không gỉ - Cách nhiệt bằng sợi thủy tinh - Có cổng nối máy in hoặc máy tính - Điện sử dụng: 220VAC	INB 400 Đức	01	23.000.000	23.000.000
6	Giấy này mầm Hãng Seedburo (USA) - Không độc hại - Mật độ đều, bền và hấp thụ nước - Kích thước: 12" x 18" - Số lượng: 100 tờ/hộp	400 Mỹ	6	3.000.000	18.000.000
F	Phòng này mầm tiêu chuẩn: duy trì nhiệt độ 25 ⁰ C				22.500.000
1	Máy lạnh 1,5 HP	Nhật	01	8.500.000	8.500.000
2	Hãng Toshiba sản xuất		02	6.000.000	2.000.000
3	Đèn chiếu sáng Giá ủ mẫu inox, 2 tầng				12.000.000
G	Kho lưu mẫu lạnh 18 ⁰ C, độ ẩm 55 - 60% RH - Kho thiết kế để lưu mẫu bảo quản: 1500 mẫu - Kích thước: 3 x 4 (m) - Bộ thiết bị làm lạnh: giữ nhiệt độ kho 5 ⁰ C - Phòng cách nhiệt: Vật liệu sợi thủy tinh				27.500.000
1	Máy lạnh 1,5 HP Hãng Toshiba sản xuất	Nhật	01	8.500.000	8.500.000
2	Giá đựng mẫu Kích thước: cao 2,2 x rộng 0,6 x dài 2,5 (m)		02	6.000.000	12.000.000

Phải có thể hệ nhân lực mới: biết làm, dám làm, chuyên nghiệp

3	Máy hút ẩm Hãng Edison (USA) sản xuất ÷ được sử dụng trong các kho bảo quản Đặc điểm ÷ Nguyên lý hút ẩm: Ngưng tụ lạnh nhờ sử dụng máy nén lạnh ÷ Không sử dụng CFC ÷ Vận hành tự động hoàn toàn ÷ Nút nhấn cảm ứng (mạch điều khiển tự động) ÷ Đèn báo hiệu nước đầy ÷ Di chuyển dễ dàng nhờ bánh xe ÷ Có thể xả nước liên tục qua ống dẫn ÷ Lọc khí bằng nylon (rửa được) Thông số kỹ thuật ÷ Công suất hút ẩm: 16lit/24 giờ (ở điều kiện 30 ⁰ C, 80%) ÷ Công suất tiêu thụ: 370W ÷ Thể tích bình chứa nước: 7 lít ÷ Độ ồn: 42 dB ÷ Nguồn điện: 220V/50Hz/1pha	ED-16B Mỹ	01	7.000.000	7.000.000
H	Bộ phận nhận mẫu và cấp giấy chứng nhận				26.000.000
1	Quầy bàn làm việc	Việt Nam	01	1.500.000	1.500.000
2	Máy tính	Compag	01	15.000.000	15.000.000
3	Máy in laser	HP	01	7.000.000	7.000.000
4	Tủ đựng hồ sơ	Việt Nam	01	2.000.000	2.000.000
G	Thiết bị dụng cụ khác				61.500.000
1	Hệ thống bàn đá Granit: 20m ²	VN	20	500,000	10.000.000
2	Lắp đặt cánh tủ của hệ thống bàn đá: Gỗ soan đào: 12 m ²	Việt Nam	12	1.500.000	18.000.000
3	Máy lạnh cho phòng kiểm nghiệm: Toshiba 2,0 HP	Nhật	1	12.000.000	12.000.000
4	Bộ sàng hiệu chuẩn Hãng Tyler (USA) sản xuất Đường kính: 203 mm, cao 5.5mm Vật liệu: Đồng thau Lỗ sàng 0.5 mm; 1.0mm; 1.5mm; 3.0mm; 3.3mm; 4.0mm Khay hứng + nắp đậy	Mỹ	01	15.000.000	15.000.000

Chất lượng sản phẩm và con người là cốt lõi của Doanh nghiệp

5	Máy đo độ ẩm/ nhiệt độ hiện số cầm tay Hãng Cole-Parmer (Mỹ cung cấp) Model 37450-02 - Độ ẩm: 5 - 95% RH - Nhiệt độ: - 30 đến 50°C - Độ phân giải: 0.1% RH; 0.1°C - Hiển thị kết quả đo trên màn hình tinh thể lỏng - Máy tự động tắt sau 3 phút không sử dụng - Thời gian sử dụng của pin - Nguồn điện sử dụng: 1 pin 9V	37450 - 02 Mỹ	01	2.500.000	2.500.000
6	Bộ quả cân chuẩn Hãng Cole-Parmer (Mỹ) cung cấp Bao gồm 13 quả cân sau: 1g (±5mg), hai 2g (±5mg), 5g (±10mg), 10g (±20mg), hai 20g (±20mg), 50g (±30mg), 100g (±30mg), hai 200g (±50mg), 500g(±100mg), và 1000g (±200mg) Tất cả được đựng trong một hộp nhựa polyetylen Đạt chứng chỉ ISO 9000 Giấy chứng nhận tiêu chuẩn	01035-01 Mỹ 11957-35	01 01	10.000.000	10.000.000
	TỔNG CỘNG				563.700.000
I	Thiết bị đánh giá chất lượng lúa gạo				245.800.000
1	Máy bóc vỏ trấu Satake	Nhật	01	96.000.000	96.000.000
2	Máy xát trắng	Nhật	01	80.000.000	80.000.000
3	Máy phân loại hạt	Nhật	01	64.800.000	64.800.000
4	Dụng cụ đo kích thước hạt	Nhật	01	5.000.000	5.000.000
	TỔNG CỘNG				809.500.000
	thuế VAT 10%				80.950.000
	TỔNG DỰ TOÁN				890.450.000

Ghi chú: Đơn giá trong bảng dự toán có tham khảo báo giá của nhà cung cấp vào thời điểm tháng 11 năm 2007 và có thể thay đổi theo thời gian.

Đo sự giàu có bằng cây thuốc vật chất là chưa đầy đủ

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ
PHÂN PHỐI GIỐNG LÚA LAI N89 ĐỂ KHẢO NGHIỆM VỤ MÙA 2010**

STT	Tên đơn vị	Số lượng
1	Công ty CP giống cây trồng Thái Bình	40 kg
2	Công ty CP giống cây trồng Bắc Ninh	160 kg
3	Trung tâm GCT Vĩnh Phúc	40 kg
4	Công ty CP Vật tư nông nghiệp Sơn La	80 kg
5	Công ty Vật tư nông nghiệp Hà Giang	40 kg
6	Công ty CP giống cây trồng Miền Nam (CN Miền Bắc)	40 kg
	Tổng Cộng	400kg

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM - ĐA DẠNG CÁC GIỐNG NGÔ, NGÔ QUÀ - RAU - ĐẬU CHO VỤ ĐÔNG 2010

Theo báo NNVN, tại hội nghị tổng kết sản xuất vụ Mùa và triển khai vụ Đông năm 2010 khu vực Đồng Bằng Sông Hồng và Bắc Trung Bộ, thứ trưởng Bộ NN & PTNT Bùi Bá Bổng chỉ đạo: “**Lưu ý về mục tiêu mở rộng diện tích vụ đông bởi từ trước đến nay diện tích vụ đông chỉ dao động từ 450 ngàn - 500 ngàn ha. Nếu mở rộng diện tích vụ đông thêm vài chục ngàn thì tức là sẽ phải giảm diện tích đất lúa, vì vậy Cục Trồng trọt phải có phương án, tính toán chi tiết phần diện tích tăng cây vụ đông. Về lâu dài, đối với vụ đông, chúng ta nên đặt mục tiêu tăng năng suất, sản lượng và tập trung vào các cây có giá trị kinh tế cao**”.

Trong cơ cấu gieo trồng vụ Đông, hầu hết các tỉnh đều chú trọng mở rộng diện tích cây Ngô, nâng cao hiệu quả kinh tế bằng cách tăng diện tích gieo trồng Ngô quà (ngô nếp), đậu tương và rau các loại. Tham gia vào chuỗi giá trị đó, Công ty cổ phần giống cây trồng miền Nam, một trong những công ty hàng đầu tại Việt Nam đã và đang giới thiệu một bộ giống rất đa dạng, đáp ứng được hầu hết các yêu cầu đề ra, trong đó: Giới thiệu 2 giống ngô mới **SSC 557 và SSC 131**: Giống ngô bắp siêu dài, siêu to. ***SSC 557: Bắp dài kỷ lục 27-29cm; *SSC 131: Bắp hình trụ, to, kết hạt tốt, sâu cay, đặc biệt thích ứng rộng**. Từ các năm 2007 - 2008 Công ty đã kết hợp với Trung tâm khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón quốc gia khảo nghiệm đánh giá giống ngô lai đơn SSC 557. Kết quả cho thấy: Giống SSC 557 có thời gian sinh trưởng thuộc nhóm trung bình sớm khoảng 105 - 110 ngày, cây xanh khỏe đồng đều, lá gọn, xanh đậm bền, ít nhiễm sâu bệnh. Đặc biệt SSC 557 có bắp to, rất dài (26 - 29cm), trung bình mỗi bắp có 14 - 16 hàng hạt, 42 - 45 hạt/hàng, nhiều hơn từ 6 - 10 hạt/hàng so với các giống đang trồng phổ biến hiện nay. Do có số hạt/bắp nhiều nên năng suất hạt của giống này đạt khá cao, trung bình từ 7 - 8 tấn/ha, thâm canh có thể đạt 10 - 12 tấn hạt khô/ha. SSC 557 có hạt dạng đá, màu cam rất đẹp hợp thị hiếu nên bán được giá.

Trong 2 năm gần đây SSC đã được các cơ quan nông nghiệp tại nhiều địa phương (các Sở NN-PTNT, Trạm khuyến nông, Trung tâm giống cây trồng, hợp tác xã...) triển khai nhiều mô hình trình diễn. Kết quả năng suất đạt rất cao tại nhiều địa phương như Hà Giang (Quản Bạ) 2 vụ liên tiếp năng suất thực thu đạt 7,2 đến 7,5 tấn/ha, với chiều dài bắp trung bình được ghi nhận từ 25-26 cm, Yên Bái (7,83 tấn/ha), Tuyên Quang (7,32 tấn/ha). Tại Cẩm Thủy, Thanh Hóa theo báo cáo đánh giá của Trạm khuyến nông huyện, giống SSC 557 đạt năng suất thực thu lên tới 374 kg/sào (gần 7,5 tấn/ha), so với giống đối chứng nhập ngoại sản xuất phổ biến tại huyện là 341 kg/sào, tăng gần 10%. Tương tự, giống đạt năng suất cao tại Nghệ An (HTX Viên Thành: 7,7 tấn/ha), Sơn La (Mộc Châu: 8,8 tấn/ha), Vĩnh phúc (Tam Đảo), Phú Thọ (Đoan Hùng 8 tấn/ha), Lào Cai (Bảo Thắng 8,44 tấn/ha)..., bắt đầu được người dân ưa thích. Ngoài ra giống này còn được trình diễn tại Udomxay, CHDCND Lào và được ghi nhận là bắp rất dài so với các giống ngô trình diễn khác.

Giống ngô lai đơn SSC 131 có các đặc điểm về thời gian sinh trưởng tương tự, tuy nhiên đây là giống thích ứng rất rộng, dễ canh tác, bắp hình trụ, to, kết hạt rất tốt, sâu cay, tỷ lệ hạt trên bắp đạt rất cao, năng suất ổn định qua các vụ. Giống SSC 131 đã được trình diễn và khảo nghiệm rộng 2 vụ liên tiếp (xuân 2009 và đông 2009) tại Phú Bình, Thái Nguyên cho năng suất tương ứng là 7,4 tấn/ha cao hơn các giống gieo trồng phổ biến trên địa bàn là 0,9 - 1,1 tấn/ha đem lại hiệu quả kinh tế lên tới 815.000 đ/sào Bắc bộ so với đối chứng là 645.000 đ. Ngoài ra SSC 131 còn được trình diễn và gieo trồng trên diện rộng ở Hưng Yên, Thái Bình, Yên Bái, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc.

Một trong những ưu điểm của các giống ngô lai đơn mới này là sản xuất và lai tạo trong nước, do chủ động được giá thành sản xuất và chi phí bản quyền thấp hơn mà SSC 557 và SSC 131 được bán với giá thấp hơn so với các loại hạt giống nhập khẩu tương tự từ 15.000 đến 20.000 đồng/kg, rõ ràng là ngay ở khâu giá giống thì các giống này đã tham gia một phần vào việc giải bài toán hiệu quả kinh tế cho cây ngô. Cả 2 giống đều thuộc nhóm ngô chín sớm có thời gian sinh trưởng: Miền Bắc: 109 - 116 ngày; Miền Nam: 86 - 93 ngày.

Đối với những vùng trồng ngô ven đô thị, nơi gần thị trường tiêu thụ lớn để nâng cao hiệu quả kinh tế thì việc chuyển đổi sang trồng ngô quà, trong đó ngô nếp là một trong những lựa chọn hợp lý hơn cả. Theo tính toán của một số hộ nông dân vùng ngoại thành Hà Nội (Đông Anh, Hoài Đức, Phúc Yên, Vĩnh Phúc...): Khi thu hoạch mỗi sào ngô nếp (60-70 ngày tùy vùng) thu được 1.700-1.800 bắp, nếu bán buôn tại ruộng thu khoảng 2 triệu đồng/sào, trừ chi phí giống, phân bón, thuốc BVTV... còn lại 1,5-1,7 triệu đồng/sào Bắc bộ. Nếu người dân mang bán lẻ với giá 1.500-2.000 đồng/bắp (trung bình 4 bắp/kg), thu lời 3 triệu đồng/sào BB, ngoài ra khi thu hoạch bắp, thân lá vẫn còn xanh, có thể sử dụng làm thức ăn cho trâu bò rất tốt. Với ngô nếp, thời gian sinh trưởng ngắn nên vấn đề sức ép về thời vụ được giải quyết, thị trường tiêu thụ lại sẵn có, theo đó diện tích ngày càng tăng mạnh trong những năm gần đây. Thậm chí ngô nếp còn được coi như là một trong những giải pháp cho vùng bị thiên tai, hạn hán cần loại cây trồng cực ngắn ngày, để nhanh chóng giải quyết các khó khăn trước mắt cho bà con nông dân.

Về vấn đề giải quyết khâu giống cho nông dân, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam là một trong những đơn vị đầu tiên trên thị trường phát triển khái niệm “ngô nếp lai”. Mặc dù, ngô nếp được trồng ở Việt Nam từ rất lâu nhưng chủ yếu là giống thuần, chất lượng tốt nhưng bắp bé, năng suất thấp nên hạn chế trong việc sản xuất hàng hóa. Từ những năm 2004 - 2005, nông dân cả nước đã biết đến bộ giống ngô nếp lai phong phú với chất lượng ăn tươi không thua kém ngô nếp địa phương mang thương hiệu Mầm Xanh.

Nói đến giống ngô nếp lai, không thể không nhắc đến các sản phẩm dường như đã đi vào tiềm thức: MX2, MX4 (nông dân quen gọi là X2, X4) với giá giống rẻ, thích ứng rộng khắp, dễ canh tác. MX 6, MX 10 là các sản phẩm thế hệ mới cao cấp hơn, tỷ lệ bắp loại 1 cao hơn và thích hợp hơn đối với các vùng chuyên canh ven các đô thị lớn. Chỉ tính trong các năm từ 2007 đến nay, diện tích quy đổi từ lượng cung ứng của Công ty đã lên tới hàng trăm ngàn ha. Giống ngô nếp lai đơn MX10 được người nông dân một số vùng ngoại thành Hà Nội (Đông Anh, Hoài Đức, Phúc Yên, Vĩnh Phúc...) coi là “siêu ngô nếp lai”.

MX10 là giống ngô nếp lai đơn có khả năng sinh trưởng khỏe, ít nhiễm các loài sâu bệnh, cây cao 190 - 210cm, bắp dạng nú dài, hạt màu trắng đục, mỗi bắp có 14 - 16 hàng hạt, 26 - 28 hạt/hàng, độ đồng đều cao, tỉ lệ bắp loại 1 xung quanh 95%, thời gian từ gieo đến thu ăn tươi 60 - 68 ngày tùy vùng, vụ, năng suất bắp tươi khoảng 10 - 12 tấn/ha. Đặc biệt MX10 có chất lượng ăn tươi rất ngon được người tiêu dùng ưa thích, người dân trồng ngô MX10 bán được giá.

Ngô nếp là giống cực ngắn ngày, có thể trồng được nhiều vụ trong năm, đơn cử như bà con nông dân các vùng trồng ngô nếp chuyên như Song Phượng, Đan Phượng, Mê Linh, Gia Lâm (Hà Nội), các giống ngô này gần như được trồng và bày bán quanh năm. Thậm chí bà con còn có sáng kiến ngay trong khu ruộng của mình cũng chia các trà gieo cách nhau 5- 7 ngày để thuận lợi hơn cho việc thu hoạch và đảm bảo lúc nào cũng có bắp tươi cung cấp cho thị trường.

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức cung ứng hàng chục giống rau, đậu tương, đậu xanh các loại trong đó nổi bật có các giống Dưa leo CuC 71, CuC 77, Cà chua VNS 585, VNS 488, dưa hấu F1 mang thương hiệu An Tiêm, ớt cay số 20.... Những cây trồng này có thể mang lại thu nhập từ vài chục đến hàng trăm triệu trên một ha gieo trồng.

Để nâng cao dịch vụ và phục vụ tốt hơn nhu cầu của bà con nông dân, công ty đã chủ động xây dựng mạng lưới phân phối rộng khắp và tư vấn miễn phí cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

Huy Tú

*** Các sản phẩm của Công ty**



Giống ngô mới SSC 557



Giống ngô nếp lai MX 10



Giống ngô nếp lai



Giống Dưa leo Cuc 71



Giống Cà chua VNS

